

PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN MẤT RỪNG, SUY THOÁI RỪNG LÀM CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG TỈNH ĐẮK NÔNG

Nguyễn Thị Mai Dương¹, Lê Nguyên Khang²,
Lê Công Trường³, Phùng Văn Kiên⁴, Nguyễn Văn Hào⁵

^{1,2}Trường Đại học Lâm nghiệp

³Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông

⁴Dự án FCPF, Đắk Nông

⁵Sở NN&PTNT Đắk Nông

TÓM TẮT

Đắk Nông là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên có diện tích rừng và đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn so với tổng diện tích tự nhiên nên rừng có vai trò lớn trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông trong bối cảnh BĐKH hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau 10 năm (2005 – 2015) diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giảm 54.630 ha. Sự biến động này là do các nguyên nhân trực tiếp, gồm; chuyển và xâm lấn rừng tự nhiên sang sản xuất nông nghiệp và đất khác, chuyển rừng tự nhiên nghèo sang trồng rừng nguyên liệu, Cao su và Điều; Suy thoái rừng tự nhiên do khai thác; Mất rừng do cháy rừng và các nguyên nhân gián tiếp, gồm: Tăng dân số; Giá nông sản tăng cao; Thiếu kinh phí bảo vệ rừng; Quản lý kém hiệu quả của các Công ty lâm nghiệp; Quản lý yếu kém của địa phương. Nghiên cứu cũng đã xác định được những áp lực đối với tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, bao gồm: về tăng dân số; giá nông sản tăng cao; từ phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông và khai khoáng; khai thác trái phép và cháy rừng. Trên cơ sở xác định những nguyên nhân và áp lực dẫn đến mất rừng suy thoái rừng nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp chủ yếu nhằm bảo vệ và phát triển rừng bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Diễn biến rừng, Đắk Nông, nguyên nhân, mất rừng, REDD+, suy thoái rừng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã, đang và sẽ tác động đến môi trường tự nhiên, tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các tác động của BĐKH sẽ vô cùng to lớn, sự tan băng ở hai đầu địa cực sẽ làm gia tăng mực nước biển. Biến đổi khí hậu cũng tác động tới rừng và sinh kế người dân sống phụ thuộc vào rừng. Rừng có tiềm năng trở thành một giải pháp hai mặt trong việc ứng phó với BĐKH – làm giảm nguyên nhân gây BĐKH và giúp xã hội thích ứng với các tác động của BĐKH.

Đắk Nông là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên, thuộc biên giới Tây Nam của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên 651.561,5 ha trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp 343.127,7 ha chiếm 52,6%. Trong tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp có 254.955,8 ha diện tích tự có rừng, tỷ lệ che phủ rừng là 39,1% (*Quyết định 1111/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc công bố hiện trạng*

rừng của tỉnh Đắk Nông). Với diện tích rừng và đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn so với tổng diện tích tự nhiên nên rừng có vai trò lớn trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông trong bối cảnh BĐKH hiện nay.

Phân tích diễn biến diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo mốc thời gian năm 2005 – 2015, kết hợp với phương pháp phỏng vấn, tham chiếu các bên liên quan có những nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp nghiên cứu bao gồm: Phương pháp xây dựng khung logic để xác định vấn đề cần giải quyết trong quá trình thu thập và xử lý số liệu nghiên cứu; phương pháp thu thập số liệu thông tin thứ cấp; phương pháp thu thập thông tin sơ cấp (phỏng vấn, thảo luận nhóm, khảo sát thực tế các khu rừng ngoài hiện trường; phương pháp chuyên gia).

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn các bên

liên quan, bao gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm, UBND và Kiểm lâm các cấp, cán bộ Phòng NN&PTNT... các hộ gia đình, các cá nhân của các huyện có rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh để thu thập các thông tin về lịch sử thay đổi sử dụng đất, thay đổi độ che phủ rừng và các nguyên nhân làm tăng diện tích rừng và mất rừng ở mỗi địa phương.

Nghiên cứu đã sử dụng các loại bản đồ ở các mốc thời điểm khác nhau trong quá khứ, bản đồ quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan như: Bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông... Với sự hỗ trợ của công cụ ArcGIS 9.3 và MapInfo 10.0 để chồng xếp các lớp bản đồ nhằm xác định diễn biến tài nguyên

rừng tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn 2005 - 2015.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng và diễn biến tài nguyên rừng

Theo số liệu của UBND tỉnh đến hết 31/12/2015: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 343.127,7 ha chiếm 52,66 % diện tích tự có rừng: 254.955,8 ha và tỷ lệ che phủ rừng là 39,1%. Trong đó: diện tích rừng và đất rừng quy hoạch là rừng đặc dụng 38.185,1 ha; rừng phòng hộ 50.034,2 ha; rừng sản xuất 234.759,6 ha.

Kết quả phân tích bản đồ hiện trạng rừng giai đoạn 2005 – 2015 cho thấy, tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Đắk Nông giảm 54.630 ha. Số liệu biến động các loại đất, loại rừng được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Biến động các loại đất, loại rừng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005 – 2015

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích loại đất, loại rừng		
		Năm 2005	Năm 2015	Biến động tăng (+); giảm (-)
A	Đất lâm nghiệp	397.757	343.127	-54.630
I	Đất có rừng	360.481	254.955	-105.526
1	Rừng giàu	20.749	15.572	-5.177
2	Rừng trung bình	49.997	124.138	74.141
3	Rừng nghèo	86.786	34.664	-52.122
4	Phục hồi	37.935	528	-37.407
5	Rừng khộp	40.444	4.548	-35.896
6	Rừng tre nửa	40.316	11.770	-28.546
7	Hỗn giao tre nửa	70.308	26.538	-43.770
8	Rừng lá kim	2.182	82	-2.100
9	Hỗn giao lá rộng và lá kim	235	284	49
10	Rừng trồng	11.529	36.831	25.302
II	Đất trống QHLN	37.276	88.172	50.896
B	Đất ngoài lâm nghiệp	253.804	308.434	54.630
11	Mặt nước	5.870	4.882	-988
12	Dân cư	11.611	17.650	6.039
13	Đất khác	236.323	285.902	49.579
	Tổng cộng	651.561	651.561	0

Nguồn: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông

Kết quả phân tích bản đồ hiện trạng rừng năm 2005 và 2015 cho thấy, nhìn chung diện

tích rừng của tỉnh Đắk Nông giảm, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên. Diện tích rừng của Đắk

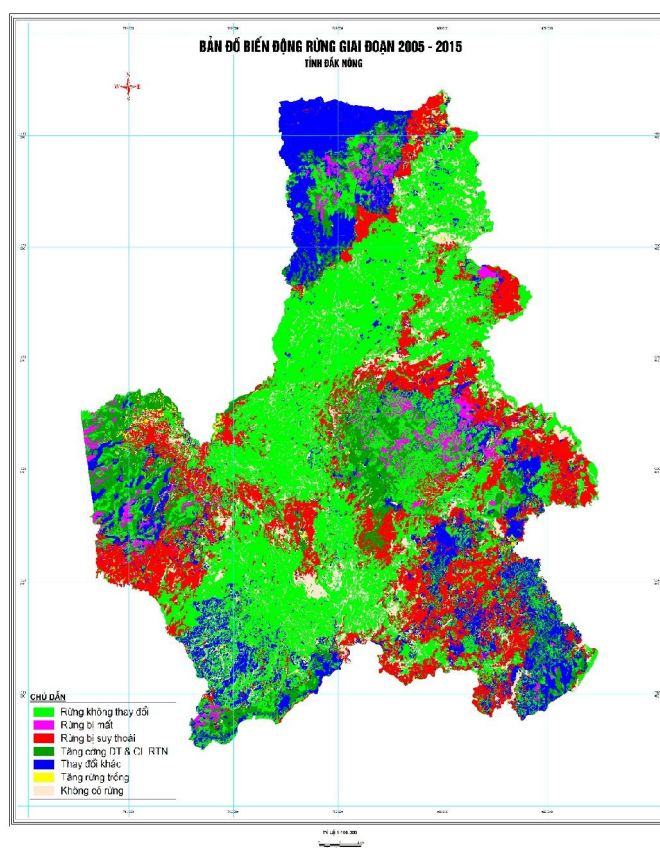
Nông giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau, trước giai đoạn này, tuy nhiên đến giai đoạn trong đó có cả những diện tích rừng đã mất từ này mới xác định được.

Bảng 2. Diện tích mất rừng, suy thoái rừng và tăng cường chất lượng rừng giai đoạn 2005 – 2015 theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

TT	Tên huyện	Mất rừng	Suy thoái rừng	Tăng chất lượng RTN	Tăng diện tích rừng trồng
1	Cư Júc	6.600	3.604	4.476	2.402
2	Đăk Glong	43.933	4.270	10.414	3.472
3	Đăk Mĩl	3.769	716	4.708	2.023
4	Đăk R'Lấp	1.850	886	4.952	8.393
5	Đăk Song	12.443	1.302	12.112	2.243
6	Gia Nghĩa	6.300	0	1.554	106
7	Krông Nô	25.157	4.499	1.890	2.351
8	Tuy Đức	30.777	4.601	18.234	4.313
Tổng cộng		130.828	19.878	58.340	25.302

Nguồn: Số liệu phân tích diễn biến rừng tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2005– 2015



Từ năm 2005 đến 2015, sau 10 năm biến động diện tích rừng ở Đăk Nông như sau:

- Diện tích rừng tự nhiên mất đi trên địa bàn toàn tỉnh là 130.828 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Đăk Glong (43.933 ha), Đăk Song

(12.443 ha), Krông Nô (25.157 ha) và Tuy Đức (30.777 ha); Diện tích rừng tự nhiên suy thoái trên địa bàn toàn tỉnh là 19.878 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Cư Júc (3.640 ha), Đăk Glong (4.270 ha), Krông Nô (4.499 ha) và

Tuy Đức (4.601 ha)

- Diện tích rừng tự nhiên được nâng cao chất lượng trên địa bàn toàn tỉnh là 58.340 ha tập trung ở 2 huyện Đắk Glong (10.414 ha), Đắk Song (12.112 ha) và Tuy Đức (18.232 ha). Diện tích rừng trồng năm 2015 tăng so với năm 2005 là 25.302 ha. Trong những năm gần đây việc phát triển rừng trồng được tỉnh rất quan tâm, tuy nhiên năng suất, chất lượng rừng trồng chưa cao, chưa thu hút được doanh nghiệp, người dân tích cực tham gia do hiệu quả kinh tế thấp so với các loại cây trồng nông, công nghiệp như: Cà phê, Hồ tiêu...

3.2. Nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005 - 2015

3.2.1. Nguyên nhân trực tiếp

Trong tổng số diện tích rừng bị mất thời gian qua (2005 - 2015) tại tỉnh Đắk Nông, có một diện tích rừng lớn đã bị mất trước năm 2005, tuy nhiên không được thống kê, cụ thể như sau: Sau khi tách tỉnh, do số liệu kế thừa của tỉnh Đắk Lắk, có sự sai lệch lớn so với thực tế do tình trạng người dân phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép để lấy đất sản xuất nông nghiệp từ trước năm 2004 nhưng chưa được các đơn vị chủ rừng, cơ quan chức năng của tỉnh Đắk Lắk thống kê báo cáo. Diện tích này được Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông chủ trì phối hợp với chính quyền, cơ quan chức năng địa phương kiểm tra rà soát thống kê năm 2007 (36.234,12 ha) và giải đoán ảnh vệ tinh năm 2010 (29.572,21 ha) được UBND tỉnh, Bộ NN&PTNT công bố.

Trong bài báo này, việc phân tích dữ liệu mất rừng hoàn toàn dựa vào bản đồ trong quá khứ. Vì vậy, các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng ngoài việc phân tích bản đồ đã được tham vấn rộng rãi các bên liên quan ở cấp tỉnh (Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Kiểm lâm...), các chủ rừng và cộng đồng địa phương. Kết quả nghiên cứu đã xác định được nguyên nhân dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng ở Đắk Nông bao gồm:

(1) Chuyển và xâm lấn rừng rừng tự nhiên sang sản xuất nông nghiệp và đất khác

Giai đoạn 2005 - 2015 tổng diện tích rừng tự nhiên chuyển sang sản xuất nông nghiệp và mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 90.486 ha, chiếm 25% tổng diện tích rừng tự nhiên năm 2005, trong đó tập trung ở các huyện Đắk Glong (26.099 ha), Krông Nô (20.630 ha) và Tuy Đức (19.383 ha)... Diện tích rừng tự nhiên bị mất do chuyển đổi sang trồng cà phê, hồ tiêu, sắn... Các loài cây nông nghiệp này có thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, do vậy nhu cầu sử dụng đất để phát triển các loài cây này ngày một tăng.

(2) Chuyển rừng tự nhiên nghèo sang trồng keo, Cao su và Điều

Diện tích rừng trồng của tỉnh Đắk Nông tính đến năm 2015 là 36.831 ha chủ yếu là Keo, Thông, Xoan và Xà cừ. Năng suất và chất lượng rừng trồng ở Đắk Nông thấp. Nguyên nhân dẫn đến năng suất rừng trồng thấp là do nguồn giống đưa vào trồng rừng chất lượng thấp, chưa đầu tư trồng rừng thâm canh, nhất là diện tích rừng trồng của hộ gia đình, cá nhân. Năng suất rừng trồng hiện nay thấp, trong khi đó nhu cầu thị trường gỗ nguyên liệu hiện nay rất lớn. Trước nhu cầu lớn về gỗ nguyên liệu nên việc mở rộng diện tích rừng trồng kinh tế là tất yếu. Hiện tượng chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo sang trồng rừng kinh tế trở thành một trong những nguyên nhân gây mất rừng tự nhiên tại Đắk Nông, bao gồm cả chuyển đổi theo quy hoạch và người dân chuyển đổi trái phép.

Diện tích rừng tự nhiên chuyển sang rừng trồng Keo trong giai đoạn từ 2005 - 2015 là 4.163 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Đắk Glong (2.845 ha), Krông Nô (649 ha), Tuy Đức (451 ha) với loài cây trồng chính là cây Keo.

Diện tích rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su giai đoạn 2005-2015 là 8.063 ha, tập trung ở Tuy Đức (3.507 ha); Krông Nô (1.683

ha); Cù Jút (1.559 ha) và Đắc Glong (560 ha).

Diện tích rừng tự nhiên chuyển sang trồng Điều giai đoạn 2005-2015 là 2.051 ha, tập trung ở Tuy Đức (1.482 ha), Đắc Song (283 ha); và Đắc R'Lấp (158 ha)...

Từ số liệu phân tích ở trên nhận thấy, diện tích rừng tự nhiên chuyển sang trồng rừng kinh tế và các loài cây như Cao Su, Điều là khá lớn. Việc mở rộng chuyển đổi này là do giá trị của rừng trồng kinh tế cao hơn hẳn so với cây trồng khác.

Chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt theo quy hoạch sang rừng trồng kinh tế và rừng cây đặc sản được thực hiện theo các chương trình, dự án phát triển rừng. Bên cạnh việc chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng trồng kinh tế bằng hình thức cải tạo rừng, thì tình trạng xâm lấn rừng tự nhiên để trồng rừng kinh tế và rừng Cao su, Điều của người dân địa phương hiện là áp lực dẫn đến mất rừng tự nhiên, dưới áp lực thị trường việc mở rộng rừng trồng kinh tế (Keo) và rừng cây đặc sản từ chuyển đổi rừng tự nhiên hiện đang diễn ra.

(3) Suy thoái rừng tự nhiên do khai thác

Khai thác gỗ được xem là nguyên nhân chính dẫn đến suy thoái rừng, nguyên nhân sau xa nhất của tình trạng này là công tác quản lý yếu kém. Khai thác hợp pháp là khai thác theo quy định của nhà nước trên cơ sở giấy phép được cấp có thẩm quyền cấp, khai thác bất hợp pháp là khai thác trái phép, không được cấp có thẩm quyền cấp phép.

Đến năm 2013, nhà nước cấp phép chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên toàn tỉnh cho 05 Công ty là 18.500 m³, trong đó Công ty TNHH MTV Đắc N'tao: 5.000 m³, Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành: 6.000 m³, Công ty TNHH MTV Đắc Wil: 3.500 m³, Công ty TNHH MTV Đức Hòa: 2.500 m³ và Công ty TNHH MTV Nam Tây Nguyên: 1.500 m³; Các đơn vị đã hoàn thành chỉ tiêu khai thác gỗ năm 2013 với tổng khối lượng là 18.600 m³/18.500 m³, đạt 100,5% so với kế hoạch, tuy

nhiên việc thực hiện các kỹ thuật khai thác theo quy trình còn hạn chế nên ảnh hưởng rất lớn đến tính đa dạng sinh của khu rừng. Tổng hợp số liệu cho thấy, từ năm 2005 đến 2015, đã có 804 ha diện tích rừng bị khai thác trái phép.

Kết quả đánh giá cho thấy lực lượng bảo vệ rừng (BVR) của địa phương hiện đang thiếu so với định mức theo quy định, đặc biệt là lực lượng BVR của các chủ rừng lớn và lực lượng tham gia BVR cấp xã và thôn như ban chỉ huy BVR Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) cấp xã, tổ đội BVR PCCCR cấp thôn/ấp. Đối với nhóm lực lượng BVR của các chủ rừng thì họ được hưởng lương từ đơn vị, nguồn chi trả trước đây được trích từ hoạt động kinh doanh khai thác rừng theo kế hoạch. Tuy nhiên, từ khi đóng cửa rừng do thiếu nguồn lực tài chính nên số hợp đồng bảo vệ rừng ở các chủ rừng giảm, người lao động trực tiếp bảo vệ cao hơn quy định của nhà nước. Bên cạnh đó họ lại không có quyền xử phạt nên khó khăn trong việc quản lý bảo vệ rừng.

Đối với đối tượng BVR ở cấp xã/thôn/ấp chủ yếu đang kiêm nhiệm, không được hỗ trợ về kinh phí, hầu như ít được tham gia tập huấn quản lý BVR, PCCCR. Thiếu về kinh phí, yếu về chuyên môn nghiệp vụ, do đó hệ thống quản lý BVR, PCCCR ở cơ sở phát huy hiệu quả chưa cao.

Công tác phối hợp trong quản lý BVR giữa các cơ quan chức năng trong tỉnh, giữa các tỉnh giáp ranh và nước bạn Campuchia mặc dù đã được triển khai và mang lại những hiệu quả tích cực, nhưng do thiếu kinh phí, địa hình hiểm trở nên các hoạt động tuần tra, truy quét liên ngành, liên tỉnh, đặc biệt rừng khu vực biên giới với nước bạn Campuchia chưa được triển khai thường xuyên nên hiệu quả trong quản lý BVR chưa cao.

(4) Mất rừng do cháy rừng

Tổng diện tích rừng quy hoạch vùng trọng điểm cháy trên địa bàn tỉnh Đắc Nông là 126.048,73 ha phân bố trên địa bàn 08 huyện

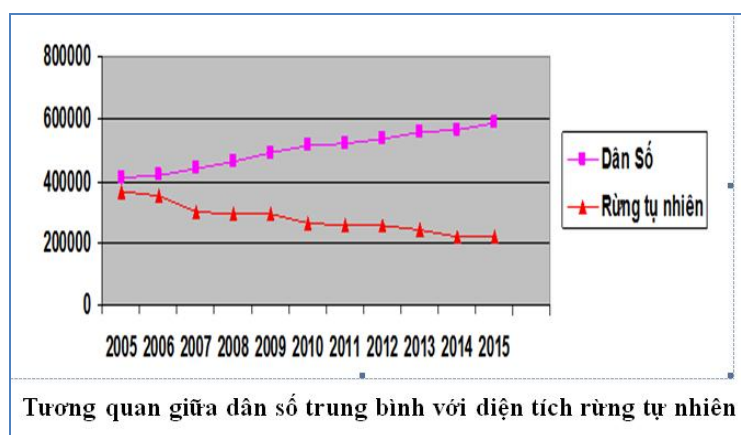
và thị xã Gia Nghĩa. Theo số liệu Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông, từ năm 2005 đến 2015 tổng diện tích do cháy rừng là 97,7 ha. Nguyên nhân trực tiếp gây ra cháy rừng là do đốt dọn thực bì để làm nương rẫy, để trồng rừng và đốt hương tảo mộ không kiểm soát được nguồn lửa nên dẫn đến cháy lan vào rừng. Toàn bộ các vụ vi phạm này đã được Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các ngành chức năng điều tra xác minh và xử lý theo đúng các quy định của pháp luật

hiện hành, tuy nhiên một số vụ cháy sau khi xác minh có diện tích bị thiệt hại do cháy nhỏ hơn do một số vụ chỉ cháy lướt, không gây thiệt hại về rừng.

3.2.2. Nguyên nhân gián tiếp

Kết quả điều tra, tham vấn các bên liên quan đã có một số nguyên nhân gián tiếp gây mất rừng và suy thoái rừng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005 – 2015 như sau:

(1) Tăng dân số



Đắk Nông là một tỉnh mới thành lập năm 2004 với dân số 397.536 người, năm 2010 dân số là 510.570 người, đến năm 2015 là 565.529 người (*Báo cáo kinh tế xã hội năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông*). Áp lực về dân số ở các vùng có rừng tăng nhanh do tăng cơ học, dân di cư tự do từ nơi khác đến, dẫn đến nhu cầu về đất ở và đất canh tác, một số hộ dân đời sống gặp nhiều khó khăn, sinh kế chủ yếu là khai thác lợi dụng tài nguyên rừng. Dân di cư tự do diễn biến phức tạp, chưa được kiểm soát; việc thực hiện các dự án ổn định dân di cư tự do còn chậm. Đến nay, tổng số số dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 5.036 hộ - 22.769 khẩu. Trong đó đã bố trí, sắp xếp ổn định vào các dự án quy hoạch tập trung là 2.529 hộ - 13.208 khẩu còn lại 2.507 hộ - 9.561 khẩu chưa được sắp xếp, ổn định. Việc tăng dân số quá nhanh dẫn đến nhu cầu về đất sản xuất, đất ở cũng tăng theo, ảnh hưởng đến công tác quản lý bảo vệ rừng tại địa phương,

đặc biệt tại các huyện có diện tích rừng tự nhiên lớn, đất đai màu mỡ cũng với giá các mặt hàng nông sản ngày càng cao thì tình trạng phá rừng diễn biến ngày càng nghiêm trọng, điển hình như huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk G'long.

(2) Giá nông sản tăng cao

Giá cả một số mặt hàng nông sản tăng cao, dẫn đến nhu cầu về đất canh tác cho các mặt hàng này cũng tăng theo nên người dân phá rừng, lấn chiếm đất để trồng các loại cây có giá trị cao hoặc buôn bán đất, sang nhượng trái phép để hưởng lợi nhưng chưa ngăn chặn được.

(3) Thiếu kinh phí bảo vệ rừng

Tại các Công ty nhà nước, vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và rừng phát triển rừng còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách cấp hàng năm chiếm khoảng 10% kinh phí được thẩm định cho công tác quản lý bảo vệ rừng, vốn còn lại phần lớn do đơn vị tự cân đối hàng năm từ

nguồn sản xuất kinh doanh như bán gỗ khai thác, cây xăng... Tuy nhiên từ năm 2013 đến nay, việc đóng cửa rừng, cấm khai thác gỗ đã ảnh hưởng đến nguồn chi trả dịch vụ rừng của các đơn vị. Hiện nay một số đơn vị có diện tích rừng thuộc các lưu vực sử dụng nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng để thực hiện bảo vệ rừng, các đơn vị không có diện tích rừng thuộc lưu vực thì vẫn đề nghị cấp bổ sung kinh phí để đảm bảo công tác quản lý bảo vệ rừng như Công ty TNHH MTV LN Đắc Wil, Công ty đầu tư phát triển Đại Thành.

Hiện nay, mới có hơn 170.000 ha rừng/254.955 ha rừng trên địa bàn toàn tỉnh được bảo vệ nhờ nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

(4) Quản lý kém hiệu quả của các Công ty lâm nghiệp.

Chủ rừng không đủ năng lực bảo vệ rừng, buông lỏng quản lý bảo vệ rừng, chưa có sự chủ động phối hợp với lực lượng chức năng của địa phương trong công tác bảo vệ rừng; một bộ phận cán bộ làm công tác quản lý bảo vệ rừng có biểu hiện tiêu cực, thoái hóa biến chất, ngại va chạm hoặc bao che, tiếp tay cho các đối tượng chặt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép. Đặc biệt, trước thông tin sắp xếp các công ty lâm nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tại Nghị Quyết 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ đã làm tư tưởng, tâm lý của một bộ phận cán bộ CCVC trong một số đơn vị chủ rừng dao động theo hướng tiêu cực, không yên tâm công tác, thậm chí buông lỏng công tác bảo vệ rừng.

(5) Quản lý yếu kém của địa phương:

Chính quyền địa phương cấp huyện, xã không thực hiện hết trách nhiệm theo tinh thần Quyết định 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác trong công tác quản lý bảo vệ rừng; việc quản lý nhân hộ khẩu, đất đai còn buông lỏng, thiếu

chặt chẽ... biểu hiện sự bất lực trước tình trạng phá rừng, sự tạo ra điểm nóng gây bất ổn về an ninh - xã hội tại địa phương vì vậy phần lớn diện tích rừng và đất rừng giao về địa phương hầu như không có chủ quản lý vì vậy bị phá, lấn chiếm rất nhanh.

Một số cơ chế chính sách trong quản lý, bảo vệ rừng, giao khoán rừng còn chông chéo, không còn phù hợp với thực tế hiện nay nhưng chưa được điều chỉnh.

(6) Một số nguyên nhân gián tiếp khác gây mất rừng và suy thoái rừng:

Công tác thực thi pháp luật lâm nghiệp kết quả còn hạn chế, mặc dù đã được các cấp, ngành quan tâm, đặc biệt là sự vào cuộc tích cực của lực lượng kiểm lâm. Tình trạng khai thác trái phép rừng, xâm lấn đất rừng vẫn diễn ra. Với nhu cầu sử dụng đất, phát triển kinh tế ngày càng cao nếu không có biện pháp ngăn chặn hiệu quả thì tình trạng khai thác trái phép và lấn chiếm rừng, đất rừng sẽ vẫn xảy ra một số nơi và có phần nghiêm trọng hơn bởi các đối tượng vận chuyển gỗ trái pháp luật sẽ sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi hơn.

Nhận thức của người dân và cộng đồng địa phương còn hạn chế: Các vi phạm xảy ra trong lĩnh vực BV&PTR phần lớn do những đối tượng có địa chỉ cư trú không rõ ràng gây ra, có trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành pháp luật còn hạn chế. Một số các đối tượng vi phạm có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định... Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về pháp luật BV&PTR.

Tổ chức bộ máy quản lý lâm nghiệp còn bất cập, nhiều việc còn chông chéo không được phân định rõ nên chưa rõ trách nhiệm của các bên trong QL BVR

Các Ban quản lý rừng và Công ty Lâm nghiệp chưa chủ động thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật, chưa quan

tâm tìm biện pháp nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng rừng, đất rừng được giao quản lý, để nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức, người lao động của đơn vị. Trong khi đó, chưa có chính sách hấp dẫn thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào bảo vệ, phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên.

3.3. Những áp lực đối với tài nguyên rừng tỉnh Đắk Nông từ nay đến 2020

3.3.1. Áp lực từ gia tăng dân số

Áp lực về dân số ở các vùng có rừng tăng nhanh, dân di cư tự do từ nơi khác đến (từ năm 2005 đến 2015, toàn tỉnh dân số tăng lên là 142.437 người), nếu theo xu hướng này trong thời gian tới dân số tỉnh Đắk Nông tiếp tục tăng lên, dẫn đến nhu cầu về đất ở và đất canh tác rất lớn, một số hộ dân có đời sống gặp nhiều khó khăn, sinh kế chủ yếu là khai thác lợi dụng tài nguyên rừng. Việc tăng dân số quá nhanh dẫn đến nhu cầu về đất sản xuất, đất ở cũng tăng, ảnh hưởng đến công tác quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương.

3.3.2. Áp lực từ giá nông sản tăng cao

Áp lực từ giá cả một số mặt hàng nông sản (Cà phê, Hồ tiêu, Điều,...) tăng cao, dẫn đến nhu cầu về đất canh tác cho các mặt hàng này cũng tăng theo nên người dân phá rừng, lấn chiếm đất để trồng các loại cây có giá trị cao hoặc buôn bán đất, sang nhượng trái phép để hưởng lợi. Vấn đề này nếu không được quản lý tốt sẽ trở thành áp lực đối với tài nguyên rừng trong tương lai

3.3.3. Áp lực từ phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông và khai khoáng

Phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông và thác khoáng sản trong tương lai cũng có thể là một trong những áp lực đối với rừng tự nhiên ở Đắk Nông. Dưới tác động của yêu cầu phát triển kinh tế cần phải được đánh giá xem ảnh hưởng của phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông và khai khoáng như thế nào đến tài nguyên rừng, diện tích rừng mà đặc biệt là rừng tự nhiên sẽ bị mất đi do các hoạt động

này là bao nhiêu.

3.3.4. Khai thác trái phép

Tình trạng vi phạm pháp luật về phá rừng, khai thác rừng và tình trạng chống người thi hành công vụ còn xảy ra ở một số nơi. Một số hành vi vi phạm chủ yếu là: Khai thác rừng trái phép; Vận chuyển, mua bán, cất giữ lâm sản trái pháp luật; Vi phạm về quản lý bảo vệ động vật rừng; Vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng... Đây là nguyên nhân chính dẫn đến suy thoái rừng. Vì vậy, cần tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, nâng cao vai trò thực thi pháp luật của lực lượng kiểm lâm, phối hợp với các ngành liên quan để hạn chế tình trạng khai thác trái phép.

3.3.5. Cháy rừng

Trong thời gian gần đây, tình hình cháy rừng diễn ra với tần suất và mức độ tăng lên. Trước bối cảnh Biến đổi khí hậu thì cháy rừng cũng là một trong những nguyên nhân cần phải được quan tâm nhằm hạn chế đến mức tối đa cháy rừng xảy ra.

3.4. Giải pháp quản lý bảo vệ rừng tỉnh Đắk Nông

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi chủ rừng, mỗi người dân và toàn xã hội trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm Luật bảo vệ và Phát triển rừng.

- Khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Đồng thời thực hiện tốt công tác giao, cho thuê

rừng và đất rừng để toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp đều có chủ quản lý.

- Hoàn thành việc rà soát, lập quy hoạch kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng theo hướng bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ; quy hoạch ổn định dân cư.

- Để hạn chế tình trạng di cư tự do đến các tỉnh Tây Nguyên, cần có các chính sách ưu đãi cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh phía Bắc để giữ chân họ ở lại ổn định cuộc sống; riêng những người di cư tự do vào các tỉnh Tây Nguyên sẽ không được hưởng các chính sách các các ưu đãi của nhà nước như các hộ dân ở lại và cũng không được hưởng các chế độ, chính sách bằng đồng bào dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên.

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát, thống kê, phân loại để xác định diện tích các loại đất lâm nghiệp bị lấn chiếm có nguồn gốc do phá rừng và lập hồ sơ xử lý để giải quyết dứt điểm, không để phát sinh mới. Xây dựng các phương án, kế hoạch cưỡng chế giải tỏa; diện tích đất sau cưỡng chế giao lại cho đơn vị chủ rừng trồng rừng, phục hồi lại rừng. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn phá rừng và chống người thi hành công vụ theo Chỉ thị số 1685/CT-TT ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ việc mua bán, sang nhượng đất đai, không để xảy ra tình trạng mua bán, sang nhượng trái phép; tiếp tục thực hiện công tác bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do theo Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục thống kê, quản lý chặt chẽ dân cư trên địa bàn, tiến hành đăng ký hộ tịch, hộ khẩu và đăng ký tạm trú, tạm vắng theo quy định.

- Thực hiện tốt chính sách cung ứng dịch vụ môi trường phải được xem là một trong những chức năng chủ yếu của rừng và việc đẩy mạnh

thu phí dịch vụ môi trường sẽ là một nguồn thu quan trọng phục vụ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng một cách bền vững.

- Thực hiện có hiệu quả công tác trồng rừng tập trung, trồng rừng thay thế, trồng rừng nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán nhằm từng bước nâng cao độ che phủ của rừng. Toàn bộ diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất bị phá trái pháp luật gần đây phải được thống kê lập hồ sơ xử lý theo đúng quy định, kiên quyết thu hồi giao cho đơn vị chủ rừng thực hiện trồng rừng, phục hồi lại rừng bằng các phương thức: trồng rừng tập trung, nông lâm kết hợp, cải tạo rừng nghèo kiệt.

IV. KẾT LUẬN

1. Kết quả phân tích bản đồ hiện trạng rừng giai đoạn 2005 – 2015 cho thấy, tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Đắk Nông giảm 54.630 ha chủ yếu là diện tích rừng tự nhiên.

2. Giai đoạn 2005 – 2015, tỉnh Đắk Nông mất khoảng 130.828 ha rừng, tập trung chủ yếu ở các huyện Đắk Glong (43.933 ha), Đắk Song (12.443 ha), Krông Nô (25.157 ha) và Tuy Đức (30.777 ha); Diện tích rừng tự nhiên suy thoái trên địa bàn toàn tỉnh là 19.878 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Cư Jút (3.640 ha), Đắk Glong (4.270 ha), Krông Nô (4.499 ha) và Tuy Đức (4.601 ha)...

3. Phân tích các nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp làm suy giảm diện tích, chất lượng tài nguyên rừng tỉnh Đắk Nông trong quá khứ, cũng như áp lực đối với tài nguyên rừng tỉnh Đắk Nông từ nay đến năm 2020. Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục; Khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Đắk Nông (2015), Báo cáo kinh tế xã hội.
2. UBND tỉnh Đắk Nông (2016), Quyết định 1111/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 về việc công bố hiện trạng rừng của tỉnh Đắk Nông.

**ANALYSIS OF DRIVERS OF DEFORESTATION,
FOREST DEGRADATION PROPOSED THE SOLUTIONS
OF FOREST PROTECTION AND DEVELOPMENT IN DAKNONG PROVINCE**

**Nguyen Thi Mai Duong¹, La Nguyen Khang²,
Le Cong Truong³, Phung Van Kien⁴, Nguyen Van Hao⁵**

^{1,2}Vietnam National University of Forestry

³Dak Nong Forest Protection Department

⁴FCPF, Dak Nong

⁵Dak Nong Department of Agricultural and Rural Development

SUMMARY

Dak Nong is one of the five Highland provinces which have forest area and forest land proportion compared to the total of natural area so that forests play a major role in sustainable development of socio-economic in the context of current climate change in Dak Nong province. The study results showed that after 10 years (2005 – 2015) the total of forest land of Dak Nong has reduced by 54,630ha. Drivers of variation includes the direct drivers, such as: conversion and invasiveness of natural forest into agricultural and other land, conversion of natural poor forest into raw plantations, rubber and cashew plantations; exploitation, forest fires, etc... And indirect drivers such as: population growth; raising prices of agricultural products; lack of funding for forest protection; ineffective managements of the forestry company; mismanagement of the local government. The study also identified the pressure on forest resources in the province of Dak Nong to 2020, including: the population growth, raising prices of agricultural products, the development of infrastructure, transport and mining; illegal exploitation and forest fires. On the basis of determining the drivers and pressure leading to deforestation and forest degradation, this study proposes the key measures for the protection and sustainable development of forest in the context of climate change.

Keywords: Dak Nong, deforestation, drivers, forest changes, forest degradation, REDD+.

Người phản biện : GS.TS. Nguyễn Thế Nhã

Ngày nhận bài : 08/11/2016

Ngày phản biện : 12/11/2016

Ngày quyết định đăng : 20/11/2016